

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày 23 – 6 – 2022

V/v tranh chấp ly hôn và  
nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Dũng Liêm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Ông Nguyễn Ngọc Trường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bé H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Quách Minh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn chị Nguyễn Bé H trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh T sống với nhau hạnh phúc, được một thời gian thì chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập chị nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thành, anh chị đã ly thân 01 năm nay. Xét thấy chị và anh T không thể chung sống với nhau được nữa, tình cảm không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Quách Thành D, sinh ngày 05/7/2009.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung. Về con chung chị xác định do con chung đang sống cùng với anh T nên khi ly hôn chị thống nhất giao con cho anh T tiếp tục nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

*Đối với anh Quách Minh T:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh nhưng anh không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị H và không tham gia hòa giải, xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Bé H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Quách Minh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Theo chị H xác định quá trình chung sống, chị và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, đánh đập chị nhiều lần, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không thành và anh chị đã ly thân 01 năm nay, từ nguyên nhân trên nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị H yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay cháu Quách Thành D đang sống cùng với anh T, chị H đồng ý giao cháu D cho anh T tiếp tục nuôi, anh T không có ý kiến gì về vấn đề này. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Quách Thành D cho anh Quách Minh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Chị H xác định tự thỏa thuận; về nợ chung: chị H xác định không có, anh T không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Bé H và anh Quách Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Quách Thành D, sinh ngày 05/7/2009 cho anh Quách Minh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Chị Nguyễn Bé H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Bé H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012433 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Hồ Dũng Liêm**



